

DỰ THẢO

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO – HẢI PHÒNG NĂM 2018

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Giải thích từ ngữ	<p>Phân giải thích từ ngữ Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau</p>	<p>Điều 1. Phân Giải thích từ thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: c. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p>	Điều 1	<p>Điều chỉnh thành điều thứ nhất</p> <p>Bổ sung khái niệm luật chứng khoán theo thông tư 95</p>
	<p>4. Vốn điều lệ là số vốn do các Cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ Công ty.</p>	<p>f. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 10, Điều lệ này.</p>		<p>Sửa theo thông tư 95</p>
	<p>8. Người quản lý Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng đơn vị, Trưởng văn phòng đại diện, Trưởng chi nhánh thuộc công ty</p>	<p>j. Người quản lý Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.</p>		<p>Đổi tên thuật ngữ từ “cán bộ quản lý” sang “người điều hành doanh nghiệp”</p>
		<p>s. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán. t. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 5 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết. u. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế. 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>		<p>Bổ sung theo thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>Điều 2. Trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty</p>	<p>1. Trụ sở của Công ty: 1.1. Công ty có trụ sở chính tại địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng Điện thoại : 0313.667.163 Fax: 0313.667.189 Email: hhc@habecohaiphong.com.vn Web: www.habecohaiphong.com.vn</p>	<p>2. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng - Điện thoại: 0313.667.163 - Fax: 0313.667.189 - Email: hhc@habecohaiphong.com.vn - Website: www.habecohaiphong.com.vn</p>	<p>Điều 2 Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>Chuyển khoản 1, Điều 2 Điều lệ cũ lên khoản 2, Điều 2 Điều lệ sửa đổi</p>
	<p>2. Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện của Công ty Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật</p>	<p>3. Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p>		<p>Chuyển khoản 2, Điều 2 Điều lệ cũ lên khoản 2, Điều 2, Điều lệ sửa đổi</p>
<p>Điều 1. Tên, hình thức của Công ty</p>	<p>2. Hình thức của Công ty: 2.1. Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng là một Công ty cổ phần được thành lập mới dựa trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp. 2.2. Công ty có tư cách pháp nhân độc lập theo pháp luật Việt Nam.</p>	<p>4. Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng là một Công ty cổ phần được thành lập mới dựa trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp. 5. Công ty có tư cách pháp nhân độc lập theo pháp luật Việt Nam.</p>		<p>Sửa lại thứ tự các khoản trong các điều</p>
		<p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 63 hoặc gia hạn hoạt động theo khoản 3 Điều 5 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>		<p>Bổ sung theo thông tư 95</p>
<p>Điều 4</p>	<p>4.3 Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Công ty có 02 (một) người đại diện theo pháp luật, 1. Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>Điều 3</p>	<p>Sửa đổi theo thông tư 95</p>
		<p>4. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân thủ quy định tại Điều 13, Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.</p>		<p>Bổ sung căn cứ luật quyền và nghĩa vụ người đại diện pháp luật</p>
<p>Điều 3</p>	<p>Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh</p>	<p>Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh</p>	<p>Điều 4</p>	<p>Chuyển thứ tự các điều</p>

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần HABECO - Hải Phòng năm 2018

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 10	<p>1. Mức vốn điều lệ</p> <p>1.1. Vốn điều lệ của Công ty là: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn)</p> <p>1.2. Cơ cấu vốn điều lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần, loại cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua: 4.520.000 cổ phần phổ thông tương đương với 45.200.000.000 đồng với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần phổ thông được các cổ đông sáng lập mua từ ngày thành lập Công ty. - Số cổ phần phổ thông chào bán: 11.480.000 cổ phần tương đương với 114.800.000.000 đồng với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần phổ thông <p>1.3. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 16.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (mười ngàn đồng).</p> <p>1.4. Loại cổ phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cổ phần phổ thông: 16.000.000 cổ phần + Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần 	<p>1. Mức vốn điều lệ</p> <p>1.1. Vốn điều lệ của Công ty là: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn)</p> <p>Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 16.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (mười ngàn đồng).</p>	Điều 10	Bỏ nội dung về cổ phần của cổ đông sáng lập do công ty đã hoạt động trên 10 năm, thời gian hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập cũng đã hết

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần HABECO - Hải Phòng năm 2018

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>		<p>Bổ sung theo thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 12. Loại cổ phần	<p>1. Vào thời điểm đăng ký kinh doanh, Công ty có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông.</p> <p>2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>			Bỏ điều 12 ở điều lệ cũ, nội dung này đã được thể hiện tại điều 10 điều lệ cũ
Điều 17	<p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.</p> <p>2. Cổ phiếu của công ty phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, trụ sở công ty; - Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Số lượng cổ phần và loại cổ phần; - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần; - Chữ ký mẫu của người địa diện theo pháp luật và dấu của Công ty; - Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu. <p>3. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, các cổ phiếu của Công ty chỉ thể hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ. Công ty có thể phát hành chứng chỉ cổ phiếu theo mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính nếu cần thiết và phải được chấp thuận của Hội đồng quản trị. Trường hợp có sai sót</p>	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Cổ phiếu của công ty phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính công ty; - Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Số lượng cổ phần và loại cổ phần; - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần; - Chữ ký của người địa diện theo pháp luật và dấu của Công ty; - Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu. - Các nội dung khác theo quy định tại Điều 116, 117 và 118 của Luật này đối với cổ phiếu 	Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu	Chuyển điều 17 thành điều 12 theo điều lệ mẫu và bổ sung thêm theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại cho những sai sót đó gây ra.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>của cổ phần ưu đãi.</p> <p>4. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, các cổ phiếu của Công ty chỉ thể hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ. Công ty có thể phát hành chứng nhận cổ phiếu theo mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính nếu cần thiết và phải được chấp thuận của Hội đồng quản trị. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại cho những sai sót đó gây ra.</p> <p>5. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p>		
Điều 16.	<p>1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>2.1 Không thanh toán đủ cả gốc lẫn lãi của trái</p>	<p>1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>2.1 Không thanh toán đủ cả gốc lẫn lãi của</p>	Điều 13	Chuyển điều

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong (03) ba năm liên tiếp trước đó.</p> <p>2.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành</p> <p>Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm 2.1 và 2.2 khoản này.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</p> <p>4. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong (03) ba năm liên tiếp trước đó.</p> <p>2.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành</p> <p>Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm 2.1 và 2.2 khoản này.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</p> <p>4. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>		
Điều 13	Chưa quy định	<p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Điều 14	Bổ sung theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Người không phải là cổ đông hiện hữu của Công ty khi nhận được quyền chuyển nhượng cổ phần chỉ trở thành cổ đông của Công ty sau khi đã đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông và hoàn thành các thủ tục theo quy chế chuyển nhượng do Hội đồng quản trị ban hành tại khoản 3 của Điều này hoặc tuân thủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy chế và các thủ tục, mẫu biểu cụ thể để thực hiện các quy định chuyển nhượng tại Điều này</p>	<p>Không quy định</p>		<p>Bỏ quy định về chuyển nhượng do cổ phiếu đã lưu ký, việc thực hiện chuyển nhượng phải thực hiện theo quy định của TTLK</p>
	<p>Chưa có quy định</p>	<p>5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>		<p>Bổ sung theo thông tư 95</p>
<p>Điều 14</p>	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 	<p>Điều 15</p>	<p>Thay đổi tỷ lệ biểu quyết</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty	3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty		Thay đổi dẫn chiếu
Điều 18	4. Cổ đông sở hữu từ 5 % tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó;	Không quy định	Điều 17	Bỏ khoản 4, Điều 18 cũ vì Luật DN 2014 đã bãi bỏ quy định đăng ký cổ đông sở hữu 5%
Điều 20	Cổ đông sáng lập của Công ty			Bổ điều này, vì công ty hoạt động đã lâu các quy định riêng của của đồng sáng lập đã hết thời hạn.
Điều 21	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: 1.1. Có quyền tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Các cổ đông khác có quyền ủy quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; 1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: 1.1. Có quyền tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; 1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 1.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành	Điều 19	Bổ sung theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty và được chuyển nhượng quyền ưu tiên mua số cổ phần phổ thông đó cho người khác khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị; sau thời gian 03 năm kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh cổ phần được tự do chuyển nhượng, nếu có hạn chế chuyển nhượng thì theo khoản 1 điều 126 Luật doanh nghiệp hạn chế này phải được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng;</p>	<p>1.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p>		<p>Bỏ nội dung từ "...và được chuyển nhượng quyền mua ... tương ứng;". Nội dung này không thể hiện trong Điều lệ mẫu, hơn nữa việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được xác định trong PA phát hành thông qua tại ĐHĐCĐ không thuộc thẩm quyền phê chuẩn của HĐQT</p>
	<p>Chưa có quy định</p>	<p>1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; 1.6. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p>		<p>Bổ sung theo thông tư 95</p>
	<p>1.5. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1.7. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>		<p>Thay đổi thứ tự</p>
	<p>Chưa có quy định</p>	<p>1.9. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;</p>		<p>Bổ sung theo thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>2. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:</p> <p>2.1. Đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; nếu tổng số cổ phần phổ thông chiếm từ trên 10% đến dưới 20% thì được quyền đề cử 01 thành viên; nếu chiếm từ 20% đến dưới 40% thì được quyền đề cử 02 thành viên; nếu chiếm từ trên 40% trở lên thì được quyền đề cử 03 thành viên. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên được quyền đề cử theo Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử;</p> <p>2.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 điều này;</p> <p>2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, vấn đề cần kiểm tra; mục đích kiểm tra;</p> <p>2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này</p>	<p>2. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:</p> <p>2.1 Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 33 Điều lệ này;</p> <p>2.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2.3Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra; mục đích kiểm tra;</p> <p>2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.</p>		<p>Bỏ 2 khoản “Đề cử ứng cử viên...” và “Xem xét, trích lục ...” vì 1 – Chuyển tỷ lệ đề cử sang một mục khác theo đúng cơ cấu Điều lệ mẫu; 2 – quy định về xem xét, trích lục Biên bản HĐQT, Báo cáo tài chính quý là không cần thiết do Biên bản, NQ HĐQT phải công bố thông tin theo quy định, công ty đại chúng chỉ phải công bố báo cáo tài chính năm nên việc xem xét báo cáo tài chính giữa năm sẽ gây khó khăn không cần thiết cho hoạt động của doanh nghiệp</p> <p>Sửa đổi theo quy định tại thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 của Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>3.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải ghi rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức. 	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 của Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>3.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải ghi rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức. 		<p>Bổ sung thông tin cổ đông theo thông tư 95</p>
	<p>4. Cổ đông là tổ chức có quyền đề cử một người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được xác nhận về việc sở hữu cổ phần. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày ra quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông; - Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty. - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu/ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền. - Số cổ phần được uỷ quyền đại diện; - Thời hạn đại diện theo uỷ quyền; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông. <p>Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	<p>Không quy định</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>5. Thay đổi các quyền</p> <p>5.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p> <p>5.2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 30 và Điều 33 Điều lệ này</p>	<p>4. Thay đổi các quyền</p> <p>4.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p> <p>4.2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26 Điều lệ này.</p>		<p>Thay đổi tỷ lệ biểu quyết theo thông tư 95 và sửa đổi dẫn chiếu</p>
Điều 22	<p>1. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p>	<p>1. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua;</p>	Điều 20	<p>Thay nội dung vì quy định này chỉ áp dụng đối với trường hợp góp vốn thành lập doanh nghiệp tại lần đăng ký kinh doanh lần đầu</p>
	<p>Chưa có quy định</p>	<p>3. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p>...</p> <p>6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p>		<p>Bổ sung theo thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>8. Phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>8.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p>8. Phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>8.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>		Sửa thuật ngữ
	CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT		
Điều 23	<p>Cơ cấu tổ chức và quản trị công ty gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Giám đốc; 4. Ban Kiểm soát. 	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của công ty gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban Kiểm soát; 4. Giám đốc; 	Điều 21	Sửa lại thứ tự cơ cấu tổ chức
Điều 24. Quy định chung	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. 2. Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thường niên hoặc có thể tổ chức bất thường. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan. 	Điều 22. Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi theo quy định tại thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 26	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi ngày, kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.</p> <p>3.2. Số thành viên hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.</p> <p>3.3. Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này. Văn bản phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký.</p> <p>3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>3.5. Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật và điều lệ công ty.</p> <p>4. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện nghĩa vụ nêu tại khoản 3 điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty. Trong ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ thay thế Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Trong trường hợp Ban kiểm soát không thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều này Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty có nghĩa vụ thanh toán tất cả các chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 22 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e</p>		Thay đổi dẫn chiếu, thay đổi thuật ngữ theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 25	<p>1. Thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>1.1. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>1.2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh ở công ty và định hướng chiến lược kinh doanh;</p> <p>1.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý công ty của Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty;</p> <p>1.4. Lựa chọn công ty kiểm toán và yêu cầu kiểm toán lại;</p> <p>1.5. Định hướng phát triển của công ty;</p> <p>1.6. Báo cáo của Ban Giám đốc về kế hoạch phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> <p>1.7. Báo cáo của các kiểm toán viên khi cần thiết.</p> <p>2. Ra quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>2.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần với điều kiện mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội;</p> <p>2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>2.4. Chế độ tiền lương, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>2.5. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông;</p> <p>2.6. Bổ sung, sửa đổi điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ công ty;</p> <p>2.7. Tổ chức lại và giải thể công ty;</p> <p>2.8. Việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>2.9. Việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có</p>	Điều 23	Sửa đổi bổ sung theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>2.10. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>3.1. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 25 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>3.2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán</p>	<p>giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>		
<p>Điều 27. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:</p> <p>1.1. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, danh sách này được lập không sớm hơn 05 (năm ngày) trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>1.2. Ấn định thời gian và địa điểm họp Đại hội;</p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 24. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>1.3. Thông báo mời họp hoặc gửi giấy mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự họp theo mục 1.1 khoản 1 điều 21 của điều lệ này chậm nhất 10 (mười ngày) làm việc trước ngày khai mạc Đại hội.</p> <p>2. Kèm theo thông báo mời họp đại hội đồng cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết và các tài liệu, thông tin cần biết về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp, giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho các cổ đông bằng một trong các cách sau:</p> <p>3.1 Thông báo công khai trên ba số báo ngày liên tiếp của một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương nơi Công ty đặt trụ sở chính; hoặc</p> <p>3.2 Chuyển tận tay; hoặc</p> <p>3.3 Gửi qua đường bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc tới địa chỉ (bao gồm cả địa chỉ nhận thư điện tử hay số fax) mà cổ đông cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.</p> <p>4. Nếu công ty có website, thông báo Đại hội đồng cổ đông cũng phải được gửi lên website của công ty cùng lúc với việc gửi thông báo mời họp, giấy mời họp đến các cổ đông.</p> <p>Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>		
Điều 28. Quyền dự họp và quyền	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phổ thông của công ty cổ phần quy định tại mục 1.1 khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ phần được chuyển	1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện	Điều 25. Đại diện theo ủy quyền	Chuyển từ điều 28 điều lệ cũ, bỏ quy định về việc người nhận chuyển nhượng sau ngay chốt

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng vẫn có quyền tự mình hay ủy quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.</p> <p>2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.</p> <p>3. Văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập theo mẫu chung thống nhất hoặc mẫu khác đã được hội đồng quản trị công ty chấp thuận và:</p> <p>3.1. Nếu người ủy quyền là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải do chính người ủy quyền hoặc người đại diện hợp pháp của người ủy quyền ký;</p> <p>3.2. Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì văn bản ủy quyền phải do người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký và đóng dấu của tổ chức ủy quyền</p>	<p>theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p>		<p>danh sách được tham gia hoặc ủy quyền tham gia đại hội, sửa đổi bổ sung các quy định về ủy quyền tham dự theo điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại		
Điều 30	4. Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 27 của Điều lệ này.	Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này	Điều 26	Thay đổi dẫn chiếu

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 31	<p>1. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:</p> <p>1.1. Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trong trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên còn lại bầu ra một người làm chủ tọa của Đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, tên của các ứng cử viên và số phiếu bầu cho mỗi người trong số họ phải được công bố;</p> <p>1.2. Chủ tọa được bầu của Đại hội để cử một thư ký để lập biên bản đại hội;</p> <p>1.3. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>2. Trước ngày tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành đầy đủ đảm bảo cho mọi cổ đông có quyền dự họp được đăng ký.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các vấn đề đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng bởi sự đăng ký của cổ đông đến muộn.</p> <p>4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp thẻ biểu quyết cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền của cổ đông, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết của Đại hội sẽ được tiến hành thông qua thẻ biểu quyết.</p>	<p>1. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:</p> <p>1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trong trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu ra một người làm chủ tọa của Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp bầu chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, tên của các ứng cử viên và số phiếu bầu cho mỗi người trong số họ phải được công bố;</p> <p>1.2. Chủ tọa được bầu của Đại hội để cử một thư ký để lập biên bản đại hội;</p> <p>1.3. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>2. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các vấn đề đã biểu quyết trước đó sẽ không bị thay đổi bởi sự đăng ký của cổ đông đến muộn.</p> <p>4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền của cổ đông một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị</p>	Điều 27	<p>Sửa đổi theo điều lệ mẫu</p> <p>Đề xuất bỏ vì Luật DN 2014 hiện tại không giới hạn số lượng</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	Chưa có quy định	6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.		Bổ sung theo thông tư 95
		7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp phải chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác Trường hợp có cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.		
	6. Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp phải chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh thích hợp. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các biện pháp để: 6.1. Điều chỉnh địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; 6.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: 8.1. Điều chỉnh địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; 8.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; 8.3. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; 8.4. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>7. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn cuộc họp đến thời gian và địa điểm thích hợp thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc nếu thấy:</p> <p>7.1 Các thành viên tham dự cuộc họp không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;</p> <p>7.2 Hành vi của những người có mặt làm ngăn cản hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;</p> <p>7.3 Sự trì hoãn trên là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</p>	<p>9. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến thời gian và địa điểm thích hợp, thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc nếu thấy:</p> <p>9.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>9.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>9.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p>		
	<p>Chưa có quy định</p>	<p>11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>13. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>		<p>Bổ sung theo thông tư 95</p>
		<p>Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết</p>	<p>Điều 28</p>	<p>Bổ sung điều theo thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>định của Đại hội đồng cổ đông. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết cả trường hợp quy định tại khoản 2 điều 143 Luật doanh nghiệp vì lợi ích của Công ty. 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết 		<p>Bổ sung thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 32	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.3. Chương trình làm việc;</p> <p>1.4. Chủ tọa và thư ký;</p> <p>1.5. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.6. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>1.7. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;</p> <p>1.8. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>1.3. Chương trình làm việc;</p> <p>1.4. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;</p> <p>1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; ;</p> <p>1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.</p>	Điều 29	Sửa theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	3. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.		Sửa đổi bổ sung theo thông tư 95 Sửa đổi bổ sung thời hạn công bố biên bản, nghị quyết theo quy định tại điều lệ mẫu
Điều 33	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định;	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. - Giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định;	Điều 30	Thay đổi thuật ngữ
	3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 35 và Điều 54 của điều lệ này	3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 33 và Điều 48 của điều lệ này		Thay đổi dẫn chiếu
	Chưa có quy định	7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.		Bổ sung theo thông tư 95
Điều 34	Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114, có quyền yêu cầu Toà án xem xét và tuyên bố huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này có	Điều 31	Sửa đổi bổ sung các đối tượng được yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết đã công bố và các vấn đề khác theo quy định tại thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ. 	<p>quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 30 Điều lệ này.; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>		
	<p>Chưa có quy định</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; 	<p>Điều 32</p>	<p>Bổ sung điều quy định về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	Điều 33	
Điều 35			Điều 33	

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ lựa chọn. Chỉ có cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền đề cử người để Đại hội cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.</p> <p>4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị</p>	<p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Trường hợp Công ty chưa niêm yết, tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>		<p>Sửa đổi bổ sung theo thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 36	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đầy đủ các quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều 34	Sửa đổi theo thông tư 95
	<p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: 2.3 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; 2.4 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; 2.8 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: 2.4. Đề xuất chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; 2.5. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; 2.9. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p>		Thay đổi thuật ngữ
	<p>4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 4.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị</p>	<p>4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 4.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>		Sửa theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	Chưa có quy định	<p>6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>7. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>		Bổ sung theo thông tư 95
Điều 37	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.	1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty.	Điều 35	Bổ sung quy định về chủ tịch kiêm Giám đốc công ty
	Chưa có quy định	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		Bổ sung theo thông tư 95
	Chưa có quy định	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.		Bổ sung theo thông tư 95
Điều 38	Chưa quy định	<p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất 03 năm liền trước đó; - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; 	Điều 36	Bổ sung theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó. 		
Điều 39	2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần; Hội đồng quản trị có thể họp bất thường khi cần thiết. Địa điểm họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.	1. Thời hạn họp Hội đồng quản trị b. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần; Hội đồng quản trị có thể họp bất thường khi cần thiết. Địa điểm họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Điều 37. (gộp 4 điều 39,40,41,42 điều lệ cũ)	Bổ sung theo thông tư 95
Điều 40	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn khi có một trong các trường hợp sau đây:	2. Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn khi có một trong các trường hợp sau đây: a.5 Đề nghị bằng văn bản của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.		Bổ sung các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
Điều 41	Thông báo họp và chương trình họp	3. Thông báo họp và chương trình họp		
Điều 42	Chưa có quy định	4. Yêu cầu về số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.		Bổ sung quy định về tổ chức họp lại khi không đủ số thành viên tham dự
Điều 43	1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cuộc họp hoặc người được thành viên đó chỉ định thay thế	1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cuộc họp hoặc người được ủy quyền (với điều	Điều 38	Bổ sung các nội dung theo thông tư 95

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>dự họp có một phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về các quyết định của Hội đồng quản trị qua phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt được coi là “có dự họp” đối với những vấn đề đã gửi ý kiến bằng văn bản.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nào có lợi ích trong những hợp đồng hoặc trong các giao dịch hay trong bất kỳ một đề xuất nào mà lợi ích này có thể xung đột với lợi ích chung của Công ty sẽ không được biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>kiện người được ủy quyền này được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận) có một phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp, phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nào có lợi ích trong những hợp đồng hoặc trong các giao dịch hay trong bất kỳ một đề xuất nào mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty sẽ không được biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>6. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>		<p>Về hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản: Luật DN và Điều lệ mẫu quy định hình thức gửi phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT qua fax, thư điện tử và thư nên không cần duy trì quy định này.</p>
Điều 44	<p>1. Thành viên của Hội đồng quản trị, dù trực tiếp hay gián tiếp quan tâm đến một hợp đồng hay một giao dịch dự định của Công ty, phải tuyên bố bản chất, nội dung của mối quan tâm đó trong cuộc họp Hội đồng quản trị khi việc ký kết hợp đồng hay giao dịch đó lần đầu tiên được đưa ra xem xét tại Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Thành viên của Hội đồng quản trị, dù trực tiếp hay gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hay một giao dịch dự định của Công ty, có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị</p>	Điều 40	<p>Sửa thuật ngữ “quan tâm” thành “hưởng lợi”. bổ sung quy định về công khai lợi ích liên quan</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng nêu trên.</p>		
Điều 45	<p>3. Quyết định được thông qua trên điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác. Trường hợp thông qua quyết định trên điện thoại hoặc trên các phương tiện thông tin khác thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị đều phải được ghi lại bằng những bằng chứng xác thực</p>	<p>3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị tập họp lại, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này</p>	Điều 41	Sửa đổi theo thông tư 95
Điều 47	<p>1. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau: 1.1. Thời gian và địa điểm họp;</p>	<p>1. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:</p>	Điều 42	sắp xếp lại thứ tự nội dung trong Biên bản theo Luật Doanh nghiệp

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>1.2. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.</p> <p>1.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>1.4. Chủ tọa và thư ký;</p> <p>1.5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết;</p> <p>1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của các thành viên tại cuộc họp;</p> <p>1.7. Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>1.8. Chữ ký có ghi rõ họ tên của tất cả thành viên dự họp.</p>	<p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>1.1. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>1.2. Thời gian và địa điểm họp;</p> <p>1.3. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.</p> <p>1.4. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>1.5. Tóm tắt phát biểu ý kiến của các thành viên tại cuộc họp theo trình tự diễn tiến của cuộc họp;</p> <p>1.6. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>1.7. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>1.8. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p>		
<p>Điều 48. Quy định chung</p>	<p>Chưa có quy định</p>	<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý</p>	<p>Bổ sung quy định việc bổ nhiệm các cán bộ quản lý khác</p>
<p>Điều 49</p>	<p>Chưa có quy định</p>	<p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Điều 44</p>	<p>Bổ sung quy định về bổ nhiệm Giám đốc</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 50	<p>1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty</p>	<p>1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>2. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	Điều 45	Sửa theo thông tư 95
	Chưa có quy định	<p>3. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p>		Bổ sung theo thông tư 95
Điều 51	Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí với việc bãi nhiệm đó và bầu một Giám đốc mới thay thế.	Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi ít nhất 51% thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.	Điều 46	Thay đổi tỷ lệ miễn nhiệm Giám đốc theo thông tư 95
Điều 52	Điều 52. Các cán bộ quản lý khác	Bổ điều này		Đã quy định tại điều 1
Điều 53. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của Giám đốc và các cán bộ quản lý khác	2. Lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ khác của những cán bộ quản lý, điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị	2. Lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ khác của những người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc	Điều 47. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của Giám đốc và các người điều hành khác	Thay thuật ngữ

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 54	<p>1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có ba thành viên</p> <p>Chưa quy định</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát</p> <p>3.1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm chín mươi ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.</p> <p>3.2. Trong nhiệm kỳ của mình, thành viên Ban kiểm soát nếu có khiếm khuyết thì Đại hội đồng gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.</p>	<p>1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có bốn (04) thành viên</p> <p>2. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát</p> <p>4.1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4.2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>4.3. Trong nhiệm kỳ của mình, thành viên Ban kiểm soát nếu có khiếm khuyết thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức quy định tại khoản 3, Điều 144, Luật Doanh nghiệp</p>	Điều 48	<p>Tăng số lượng Kiểm soát viên</p> <p>Bổ sung quy định đề cử ứng cử Kiểm soát viên</p> <p>Sửa đổi nhiệm kỳ Ban kiểm soát theo luật doanh nghiệp</p>
Điều 55	<p>4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.</p> <p>5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc</p>	<p>4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này.</p> <p>5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc</p>	Điều 49	Thay đổi dẫn chiếu

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 56	<p>1. Ban kiểm soát bầu Trưởng ban kiểm soát trong số các thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau: 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát; 2.3. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>1. Ban kiểm soát bầu Trưởng ban kiểm soát trong số các thành viên Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty</p> <p>2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau: 2.1. 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; 2.2. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát 2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát; 2.4. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát</p>	Điều 50	<p>Bổ sung điều kiện về trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Bổ sung theo thông tư 95</p>
Điều 57. Thành viên Ban kiểm soát	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn sau đây: 1.3. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý từ cấp phó các phòng, xí nghiệp của Công ty trở lên. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p>	<p>1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn sau đây: 1.3. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;</p>	Điều 51. Kiểm soát viên	Bổ sung tiêu chuẩn kiểm soát viên
Điều 60	<p>2. Quy định về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch liên quan đến khoản 1 Điều này như sau: 2.1 Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty: phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cổ đông liên quan hoặc cổ đông có người liên quan</p>	<p>2. Quy định về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch liên quan đến khoản 1 Điều này như sau: 2.1 Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty: phải được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;.</p>	Điều 54	Sửa đổi quy định về thông qua các hợp đồng mẫu thuận lợi ích có giá trị trên 20% tổng tài sản

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	không có quyền biểu quyết. Hội đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.	Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cổ đông liên quan hoặc cổ đông có người liên quan không có quyền biểu quyết. Hội đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.		
Điều 61	<p>1. Công khai thông tin tài chính</p> <p>Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan</p> <p>Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điều lệ công ty + Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên và Giám đốc 	<p>1. Công khai thông tin tài chính</p> <p>Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý tự lập (trong trường hợp Công ty là công ty đại chúng quy mô lớn hoặc công ty niêm yết) đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan</p> <p>Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điều lệ công ty + Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên và Giám đốc + Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý tự lập (trong trường hợp Công ty là công ty đại chúng quy mô lớn hoặc công ty niêm yết) 	Điều 55	Theo quy định công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn tại thông tư 155/2015/TT-BTC

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>2. Báo cáo hằng năm Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây: a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty; b. Báo cáo tài chính; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;</p> <p>5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý</p>	<p>2. Báo cáo hằng năm Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây: a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty; b. Báo cáo tài chính; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty; d. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất sáu tháng có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý</p>		<p>Bổ sung quy định công bố báo cáo thường niên</p> <p>Sửa thời hạn năm giữ liên tục theo quy định thông tư 95 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu, cổ đông năm giữ liên tục ít nhất 06 tháng là đã có các quyền này. Việc quy định thời hạn lâu hơn có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông.</p>
Điều 64	<p>1. Hệ thống kế toán mà Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài Chính chấp thuận. 2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>1. Hệ thống kế toán mà Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài Chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về</p>	Điều 58	<p>Bổ sung quy định về lập sổ sách kế toán, đơn vị tiền trong kế toán theo quy định tại thông tư 95</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>4. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.và các cơ quan nhà nước theo quy định.</p>	<p>lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp. 5. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước theo quy định.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 65	<p>1. Kiểm toán</p> <p>1.1. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể chỉ định một công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật để tiến hành các hoạt động kiểm toán theo những điều khoản và điều kiện thỏa thuận giữa công ty kiểm toán đó và Hội đồng quản trị.</p> <p>1.2. Công ty kiểm toán độc lập được chỉ định sẽ kiểm tra, xác định và trên cơ sở báo cáo tài chính năm của Công ty, báo cáo Hội đồng quản trị trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Kiểm toán</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập thuộc Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>1.1. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể chỉ định một công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật để tiến hành các hoạt động kiểm toán theo những điều khoản và điều kiện thỏa thuận giữa công ty kiểm toán đó và Hội đồng quản trị.</p> <p>1.2. Công ty kiểm toán độc lập được chỉ định sẽ kiểm tra, xác định và trên cơ sở báo cáo tài chính năm của Công ty, báo cáo Hội đồng quản trị trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Bản sao của Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty</p>	Điều 59	Bổ sung quyền hạn chỉ định một công ty kiểm toán độc lập

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>2. Quyền thẩm tra cuối cùng Công ty chịu sự thẩm tra cuối cùng trước pháp luật. Sự thẩm tra này bao gồm việc thẩm tra các báo cáo và quyết toán tài chính hàng năm, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty. Việc thẩm tra này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>2. Quyền thẩm tra cuối cùng Công ty chịu sự thẩm tra cuối cùng trước pháp luật. Sự thẩm tra này bao gồm việc thẩm tra các báo cáo và quyết toán tài chính hàng năm, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty. Việc thẩm tra này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>		Bổ sung theo thông tư 95
Điều 66	<p>2. Trả cổ tức: 2.3. Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt, séc, lệnh trả tiền chuyển qua đường bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, chuyển khoản ngân hàng và các hình thức khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>2. Trả cổ tức: 2.3. Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt, séc, lệnh trả tiền chuyển qua đường bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, chuyển khoản ngân hàng và các hình thức khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>	Điều 60	Bổ sung
Điều 69	Chưa quy định	<p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	Điều 63	Bổ sung theo điều lệ mẫu

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần HABECO - Hải Phòng năm 2018

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 72	1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Điều lệ của Công ty sẽ phải được lập bằng văn bản, do Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 51% số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tại Đại hội.	1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 67	Bỏ tỷ lệ biểu quyết vấn đề sửa đổi điều lệ. Tỷ lệ này đã có trong điều quy định biểu quyết thông qua quyết định ĐHĐCĐ Bổ sung theo thông tư 95
	Chưa quy định	3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty		
Điều 73	4. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị:	4. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật:	Điều 68	Sửa chữ ký có hiệu lực trong điều lệ Công ty theo thông tư 95